TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 12-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Quốc Thân

2/ Bà Chu Hạ Uyên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Lê Ngọc Nhi, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện VKS nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa***: Bà Cao Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 126/2021/HSST ngày 27/11/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2021/QĐXXST-HS ngày 16/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/HSST-QĐ ngày 30/12/2021, đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ B, sinh năm 1972 tại Nam Định; nơi cư trú: Khu 5, phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quý Tỵ (chết) và bà Đặng Thị Cậy (chết); chồng: Nguyễn Văn Việt, sinh năm 1971; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 15/8/2021 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến ngày 17/8/2021 bị cáo đước áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, *có mặt*.

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1977. Địa chỉ: 56A Quốc lộ 1A, Dốc Lê Lợi, khu phố Núi Tung, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, *có đơn xin xét xử vắng mặt*.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu 5, phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, *vắng mặt*.

- *Người làm chứng:* 1/ Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1975; 2/ Chị Lê Thị Mai, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Số nhà 762, khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai; 3/ Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khu phố 2, phường Xuân Trung, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, *những người làm chứng có đơn xét xử vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị B cùng chồng là ông Nguyễn Văn Việt, sinh năm 1971, ngụ tại Khu 5, phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1977, ngụ tại 56A Quốc lộ 1A, dốc Lê Lợi, khu phố Núi Tung, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai có mối quan hệ quen biết nhau.

Vào ngày 11/10/2004, Nguyễn Thị B đã mượn của bà Nguyễn Thị Ánh T 5.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, hai bên thỏa thuận đến ngày 11/4/2005 sẽ trả hết. B có viết đơn vay nợ, ký tên xác nhận đưa cho bà T giữ. Thời gian 03 tháng đầu, B đã trả lãi đúng hạn cho bà T được 900.000 đồng. Khi đến hạn Th toán, bà T nhiều lần yêu cầu B trả tiền nhưng B trốn tránh không trả. Sau đó, B bỏ số điện thoại, bí mật cùng gia đình đi khỏi địa phương, không thông báo cho bà T cũng như người thân thiết biết.

Ngày 17/4/2006, bà Nguyễn Thị Ánh T đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh. Qua nhiều lần xác minh tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra quyết định truy nã bị cáo Nguyễn Thị B.

Bị cáo B cùng gia đình sau khi bỏ trốn xuống thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu làm thuê không đăng ký tạm trú, sau đó chuyển về thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh sinh sống.

Ngày 20/11/2013, bị cáo Nguyễn Thị B đã gửi 8.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Th (là chị ruột B), sinh năm 1967, ngụ tại khu phố 2, phường Xuân Trung, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai để trả cho bà Nguyễn Thị Ánh T. Bà T đã ký xác nhận B đã trả xong nợ, trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 3.000.000 đồng.

Ngày 15/8/2021, Nguyễn Thị B đã đến trụ sở Công an phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 127/CT-VKS- TPLK ngày 24/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào ngày 11/10/2004, tại nhà bà Nguyễn Thị Ánh T ngụ 56 A Quốc lộ 1A, dốc Lê Lợi, khu phố Núi Tung, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Thị B vay của bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Thị B bỏ số điện thoại, bí mật cùng gia đình đi khỏi địa phương, không thông báo cho bị hại cũng như người thân thiết biết nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị B phạm vào tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", quy định tại Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây nguy hiểm cho xã hội, mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo sau khi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh ra quyết định truy nã, gây khó khăn cho hoạt động điều tra. Do đó, cũng cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; đã thành khẩn khai báo toàn bộ tình tiết liên quan đến vụ án, ăn năn hối cải thể hiện sự ray rứt về việc làm sai trái; người phạm tội đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đầu thú; cha ruột bị cáo có công với Cách mạng được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; người bị hại có đơn đề nghị xem xét không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Hiện nay bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, phải chăm sóc cháu nhỏ của con gái ruột bị bệnh câm điếc bẩm sinh, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng.

Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo nêu trên. Xét thấy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là đủ nghiêm và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử không áp dụng thêm hình phạt bổ sung, phạt tiền bị cáo để sung quỹ Nhà nước theo khoản 5 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Văn Việt là chồng bị cáo Nguyễn Thị B, quá trình điều tra ông Việt khai nhận không biết việc bị cáo B vay nợ, bị cáo khai nhận tự ghi tên ông Việt vào giấy vay nợ, sau này ông Việt mới biết sự việc này. Hiện nay số tiền nợ bị cáo B đã trả xong, bị hại đã có đơn đề nghị không xem xét về mặt hình sự. Do đó, không cần thiết phải xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Văn Việt là phù hợp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, Khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm vào tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị B 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/8/2021 đến ngày 17/8/2021 (một ngày tạm giữ được tính bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

Giao bị cáo Nguyễn Thị B cho Ủy ban nhân dân phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ**.** Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Ka Long, thành phố Móng Cái trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tính từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Long Khánh;
- Nhà tạm giữ CATPLK;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Quốc Thân Chu Hạ Uyên Nguyễn Thị Mai